

# **KHÔI PHỤC TỔNG CẦU ĐỂ THỨC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG TRONG NĂM 2024, NHÌN TỪ GÓC ĐỘ XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM**

**PGS. TS. Phạm Thị Kiên, Đại học Kinh tế Tp HCM,**

**email: [kienpt@ueh.edu.vn](mailto:kienpt@ueh.edu.vn), sdt: 0988478781**

**TS. Bùi Xuân Dũng, Đại học Kinh tế Tp HCM,**

**email: [dungbx@ueh.edu.vn](mailto:dungbx@ueh.edu.vn), sdt: 0337894899**

## **Tóm tắt:**

Trong nền kinh tế thị trường, nhà nước và thị trường đều có vai trò và chức năng riêng. Bản thân thị trường luôn vận hành theo các quy luật vốn có khách quan và trên thực tế cơ chế thị trường là cơ chế hiệu quả trong phân bổ và khai thác các nguồn lực. Song thị trường vận động tự do luôn có xu hướng đẩy nền kinh tế vào tình trạng không ổn định và khủng hoảng. Thị trường có những khiếm khuyết cố hữu, đòi hỏi phải có sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế để khắc phục. Tuy nhiên, nhà nước cũng có hạn chế và cũng thất bại khi can thiệp quá mức. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự đột phá trong tư duy và thực tiễn lãnh đạo sự nghiệp đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là vấn đề lý luận và thực tiễn mới mẻ và hết sức phức tạp, gắn bó giữa việc nhận thức quy luật khách quan với phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam; là kết quả một quá trình tìm tòi, thể nghiệm lâu dài, từ chưa đầy đủ đến ngày càng đầy đủ, từ chưa sâu sắc đến ngày càng sâu sắc hơn. Trong thời gian tới, Việt Nam cần xây dựng chính sách tài khóa nghịch chu kỳ nhằm kích cầu trong giai đoạn tăng trưởng toàn cầu giảm; lật ngược suy giảm đầu tư công, tăng hiệu quả, tập trung, thông qua giám sát quốc gia và kế hoạch phát

triển vùng; hiện đại hóa hệ thống an sinh xã hội phù hợp với quốc gia thu nhập trung bình, công nghiệp hóa; minh bạch hóa chính sách tài khóa.

### ***1. Thực trạng bối cảnh quốc tế, trong nước***

**Quốc tế:** Tình hình thế giới có những biến chuyển mạnh mẽ, việc phát triển kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa (XHCN) đứng trước những cơ hội lớn và đi cùng với đó là những thách thức không nhỏ. Dự báo tình hình thế giới trong giai đoạn tiếp theo diễn ra theo những xu hướng chủ đạo sau:

Thứ nhất, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0 vẫn tác động ngày càng sâu sắc và nhiều chiều đến các quốc gia. Công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội; làm thay đổi hoàn toàn cách con người tương tác lẫn nhau và tương tác với thế giới. Trong bối cảnh đó, cạnh tranh kinh tế thương mại giữa các quốc gia tiếp tục chuyển sang cạnh tranh khoa học công nghệ, nghiên cứu và ứng dụng các mô hình và công nghệ cốt lõi của CMCN 4.0. Những xu hướng này tạo điều kiện cơ hội cho Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh thực hiện kế hoạch chuyển đổi số quốc gia, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, nâng cao vị thế và sức cạnh tranh trong các chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu, rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước trong khu vực và thế giới. Bên cạnh đó, CMCN 4.0 tạo cơ hội cho nền kinh tế Việt Nam khai thác, phát huy tốt tiềm năng, lợi thế về nguồn nhân lực trẻ năng động, sáng tạo, giàu tiềm năng trí tuệ đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với CMCN 4.0 nhằm phát triển nhanh, bền vững. Vấn đề đặt ra đối với việc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN của Việt Nam trong thời gian tới là cần chủ động tham gia CMCN 4.0 để có thể vừa tránh được những rủi ro, vừa tận dụng tối đa các cơ hội do cuộc CMCN 4.0 mang lại.

Thứ hai, tiến trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế trong những năm tới vẫn luôn là một xu hướng không thể đảo ngược và có những điều chỉnh. Khi hội nhập quốc tế ngày càng mở rộng, khiến sự tùy thuộc, ràng buộc lẫn nhau về kinh tế giữa các quốc gia ngày càng gia tăng. Xu hướng ký kết các FTA song phương đang và sẽ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ trong giai đoạn tới. Phạm vi điều chỉnh của các FTA cũng rộng hơn, không chỉ là cắt giảm thuế quan và tạo thuận lợi thương mại, mà còn các lĩnh vực liên quan đến cách thức sản xuất hàng hóa (dịch vụ, đầu tư, sở hữu trí tuệ, chính sách cạnh tranh, mua sắm công), mức độ tự do hóa cao và hình thành trên cơ sở liên kết giữa các đối tác thuộc các khu vực địa lý khác nhau, đặc biệt là giữa các nước phát triển và đang phát triển. Nội dung, phương thức và các định chế của hội nhập kinh tế quốc tế cũng biến đổi, quá trình toàn cầu hóa kinh tế thương mại tiếp tục chuyển sang toàn cầu hóa số, toàn cầu hóa xanh... Trong xu hướng toàn cầu này, việc tích cực, chủ động tham gia toàn cầu hóa, khu vực hóa, hội nhập quốc tế, nhất là tham gia các FTA thế hệ mới tạo ra cơ hội quan trọng để Việt Nam đẩy mạnh cải cách thể chế, chuyển đổi mô hình phát triển. Các FTA nói riêng, tiến trình toàn cầu hóa, khu vực hóa nói chung, buộc Việt Nam phải điều chỉnh những luật lệ hiện tại để chúng hiệu quả hơn, minh bạch hơn và tiến bộ hơn, phù hợp hơn với các “sân chơi” chung của khu vực, toàn cầu. Những thay đổi nêu trên cũng sẽ tác động sâu sắc và buộc doanh nghiệp, người dân cũng như toàn nền kinh tế phải vận động, thay đổi, thích ứng theo hướng hiện đại, hiệu quả hơn. Tuy nhiên, trong xu thế toàn cầu hóa với những diễn biến và sự điều chỉnh khó lường trong thời gian tới cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức cho Việt Nam. Đó là thách thức về độc lập, tự chủ, nhất là trong lĩnh vực kinh tế. Những năm tới, khi quy mô nền kinh tế gia tăng, nền kinh tế mở hơn do các FTA có hiệu lực đầy đủ, Việt Nam sẽ kết nối và phụ thuộc nhiều hơn vào thị trường thế giới, nhất là Mỹ, Trung Quốc. Việt Nam cần xây dựng và thực hiện hiệu quả Chiến lược độc lập, tự chủ của nền kinh tế nhằm nâng cao sức chống chịu và khả năng cạnh tranh; thích ứng linh hoạt, hiệu quả với những biến động tình hình quốc tế, khu vực.

Thứ ba, xu hướng tái định hình chuỗi cung ứng và dòng vốn đầu tư nhằm đa dạng hóa, hạn chế rủi ro phụ thuộc vào một thị trường, đối tác. Đại dịch Covid-19 vừa qua và xung đột tại Ukraina đã làm thay đổi sâu sắc nhận thức của các quốc gia trong việc phát huy nội lực, nâng cao tính độc lập, tự chủ, tự cường gắn với hội nhập quốc tế. Các quốc gia, nhất là các nước lớn điều chỉnh lại chiến lược phát triển, giảm bớt sự phụ thuộc vào bên ngoài, làm thay đổi các chuỗi cung ứng. Cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, tranh giành thị trường, các nguồn tài nguyên, công nghệ, nhân lực chất lượng cao, thu hút đầu tư nước ngoài giữa các nước ngày càng quyết liệt, tác động mạnh đến chuỗi sản xuất và phân phối toàn cầu. Trong xu hướng điều chỉnh và chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu, Việt Nam có một số lợi thế để tranh thủ sự dịch chuyển chuỗi cung ứng: môi trường vĩ mô ổn định, nền kinh tế năng động, thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng; tình hình chính trị ổn định, nhất quán trong chính sách phát triển kinh tế và thu hút đầu tư nước ngoài; môi trường pháp lý đầy đủ; chính sách đầu tư nước ngoài thông thoáng, mở cửa thị trường, cải cách thủ tục hành chính và ưu đãi đầu tư; môi trường kinh doanh cải thiện; Việt Nam đã là thành viên của nhiều hiệp định thương mại đa phương và song phương quan trọng có quy mô, tầm vóc lớn.... Bên cạnh cơ hội và thuận lợi luôn đan xen với thách thức và khó khăn. Môi trường đầu tư của Việt Nam hiện còn một số bất cập chưa được khắc phục, như hạn chế về năng lực quản lý, kết cấu hạ tầng, thủ tục đầu tư, thiếu lao động có kỹ năng, công nghiệp phụ trợ và mạng lưới logistics... Đứng trước thách thức này, Việt Nam cần có đổi sách, giải pháp kịp thời, đồng bộ, phù hợp, nhằm phòng ngừa, hạn chế rủi ro, tận dụng cơ hội của xu thế thay đổi chuỗi cung ứng toàn cầu và định hình lại mô hình phát triển kinh tế thế giới để khai thác, tận dụng các cơ hội, vượt qua khó khăn, thách thức, hiện thực hóa khát vọng phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Thứ tư, các yếu tố bất định tiếp tục gia tăng cùng với sự xuất hiện nhiều hơn của dịch bệnh, thiên tai, biến động địa chính trị dẫn đến thay đổi hành vi đầu tư, tiêu dùng xanh hơn, theo hướng thận trọng hơn, quan tâm hơn tới đầu tư cho sức khỏe, bảo vệ

môi trường, tăng trưởng bền vững... được dự báo sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ trên thế giới trong thời gian tới. Với Việt Nam, việc chuyển hướng sang kinh tế xanh và tăng trưởng xanh không chỉ là lựa chọn tất yếu mà còn là cơ hội để trở thành quốc gia tiên phong trong khu vực, bắt kịp xu thế phát triển của thế giới. Xu hướng này tạo cơ hội, động lực cho Việt Nam chuyển đổi mô hình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng trong sản xuất theo hướng kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững; giảm tiêu hao năng lượng, giảm phát thải, sản xuất xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu... dần hướng tới đáp ứng tiêu chuẩn là sản xuất phải đảm bảo có trách nhiệm hơn với môi trường và con người. Đây là động lực để nhiều doanh nghiệp đầu tư nhiều hơn vào các giải pháp bền vững như quản lý rác thải nhựa, cắt giảm khí nhà kính, thực hiện cam kết mạnh mẽ của Thủ tướng Chính phủ đưa phát thải ròng về “0” vào năm 2050 tại COP26... Tuy nhiên, thách thức lớn nhất cản trở doanh nghiệp chuyển đổi sản xuất xanh là vốn đầu tư. Vì vậy, Nhà nước ban hành thêm khung pháp lý, chính sách khuyến khích sản xuất và tiêu dùng bền vững, hướng tới xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất, tiêu dùng. Đặc biệt, cần chú trọng việc kết nối mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững hình thành liên kết chuỗi từ khâu sản xuất đến phân phối và tiêu dùng các sản phẩm.

Thứ năm, những biến đổi sâu sắc về xã hội - môi trường với chênh lệch giàu nghèo, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh chuỗi cung ứng, an ninh y tế, vấn đề thị trường lao động, già hóa dân số, tài nguyên nước, ô nhiễm môi trường... đều trở thành mối quan tâm hàng đầu của nhiều quốc gia, đòi hỏi mỗi quốc gia phải thích ứng, chủ động, độc lập, tự chủ, tự cường gắn với hội nhập quốc tế phù hợp và hiệu quả hơn. Những biến đổi về xã hội - môi trường cũng sẽ tác động lớn đến Việt Nam, nhất là trong vấn đề đảm bảo tính định hướng XHCN trong nền kinh tế thị trường, phát triển kinh tế với thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội để “không ai bị bỏ lại phía sau” của sự phát triển.

**Trong nước:** Bối cảnh trong nước thời gian tới dự kiến đan xen cả thuận lợi và khó khăn.

*Về mặt thuận lợi:*

Một là, công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế hơn 35 năm qua đã đạt được những thành tựu quan trọng, vị thế của đất nước ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Thể chế kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại và hội nhập, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, từng bước được xác lập.

Hai là, nền kinh tế kế thừa được những thành quả phát triển của giai đoạn trước cũng như những nỗ lực những năm gần đây, kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng, hệ thống tài chính được củng cố và lành mạnh hóa, hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng; Các động lực tăng trưởng có nhiều chuyển biến theo chiều sâu (thu hút đầu tư FDI chất lượng cao hơn, xuất khẩu tiếp tục tăng khá với hàm lượng giá trị tăng, sự phát triển chất lượng, bền vững hơn của khu vực kinh tế tư nhân); Các cân đối vĩ mô lớn tiếp tục được bảo đảm: nợ công duy trì ở mức an toàn, cơ cấu thu chi ngân sách chuyển dịch theo hướng tích cực hơn, cơ cấu tín dụng tập trung nhiều hơn vào các lĩnh vực ưu tiên và sản xuất và kinh doanh, hạn chế vào các ngành có rủi ro cao; cán cân thanh toán và vãng lai có sự cải thiện tích cực; Thể chế, môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện; các nước, doanh nghiệp toàn cầu thay đổi phương thức hợp tác trong chuỗi cung ứng; Kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng... tiếp tục là những xu hướng quan trọng. Đây là những thuận lợi rất căn bản tạo thế và lực cho Việt Nam tiếp tục bứt tốc trong thời gian tới.

Ba là, trong thời gian tới Việt Nam ngày càng có tiềm lực để tham gia tương đối bình đẳng (vốn, công nghệ, con người, hợp tác quốc tế...) và tranh thủ các cơ hội từ cuộc CMCN 4.0. Việt Nam đang đứng trước cơ hội dựa vào đổi mới sáng tạo và chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao sức cạnh tranh, năng suất lao động để phát triển đột phá và bứt phá. Việc tận dụng cơ hội này phụ thuộc vào khả năng tái cơ cấu,

điều chỉnh mô hình tăng trưởng, gia tăng nội lực, tranh thủ hợp tác quốc tế để củng cố nền tảng và đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ phục vụ cho phát triển.

Bốn là, Việt Nam là một trong những nước có mạng lưới hiệp định thương mại tự do (FTA) sâu rộng hàng đầu Đông Nam Á, với hầu hết các trung tâm kinh tế chính trị lớn của thế giới. Các FTA Việt Nam đã và đang tham gia sẽ được thực thi mạnh mẽ trong thời gian tới, tạo điều kiện cho Việt Nam tranh thủ cơ hội mở rộng thị trường, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các nguồn lực chất lượng cao kết hợp với đổi mới thể chế trong nước để đổi mới mô hình và chất lượng tăng trưởng, nâng cao vị trí trong chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng khu vực cũng như toàn cầu. Việt Nam có thể tranh thủ các đối tác, như Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, các nước châu Âu về hợp tác ứng phó với các vấn đề toàn cầu, mở rộng thị trường xuất khẩu, vốn, công nghệ, nâng cao vị trí trong chuỗi cung ứng, cũng như các đối tác có thể mạnh đặc thù về kinh tế số, phát triển xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu...

*Bên cạnh những mặt thuận lợi, cơ hội, trong thời gian tới Việt Nam vẫn chịu tác động từ những khó khăn, thách thức, đó là:*

Thứ nhất, những điểm nghẽn trong nền kinh tế vẫn đang tồn tại và là nhân tố cản trở quá trình phát triển của Việt Nam trong thời gian tới như: mô hình tăng trưởng kinh tế vẫn chưa thực sự theo chiều sâu; cơ cấu nền kinh tế còn chưa hợp lý; chất lượng tăng trưởng chưa cao; khả năng chống chịu với các cú sốc bên ngoài còn yếu; thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN còn đang trong quá trình hoàn thiện. Có biểu hiện chưa quan tâm đúng mức bảo đảm phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, về phát triển văn hoá, bảo đảm phúc lợi xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong phát triển kinh tế thị trường; chưa bảo đảm phát triển tổng thể, đồng bộ các vùng, miền, địa phương theo lợi thế so sánh và phát huy điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù.

Thứ hai, hội nhập quốc tế càng sâu rộng trong thời gian tới, kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục đứng trước thách thức, chịu tác động trực tiếp, nhanh chóng từ những biến

động kinh tế từ bên ngoài, những biến động trên thị trường khu vực, thế giới về giá cả, lãi suất, tỷ giá của các đồng tiền, nhất là những đồng tiền có ảnh hưởng lớn, từ những thay đổi của các luồng hàng hóa, tài chính, đầu tư quốc tế và nghiêm trọng hơn là chịu sự tác động, ảnh hưởng rất nhanh của các cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính khu vực và trên thế giới. Bên cạnh đó, tiến trình hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng của Việt Nam cũng đặt ra không ít thách thức trong giải quyết mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Nền kinh tế nước ta có độ mở cao, làm gia tăng nguy cơ bị tổn thương trước những diễn biến bất lợi từ bên ngoài.

Thứ ba, Việt Nam sẽ tiếp tục đối mặt với nguy cơ tụt hậu nếu không kịp thời nắm bắt các xu thế mới và thành tựu của cuộc CMCN 4.0. Việt Nam vẫn đi sau và đi theo trong xu thế phát triển công nghệ và mô hình kinh doanh mới. Nguy cơ này gia tăng khi nền kinh tế đang phải đối mặt với những khó khăn sau đại dịch Covid-19 và suy thoái kinh tế toàn cầu, bên cạnh một số hạn chế chưa được khắc phục. Bên cạnh đó, trong thời gian tới, Việt Nam sẽ phải thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cam kết khi tham gia các FTA thế hệ mới đã ký kết, nhưng nền kinh tế phát triển chưa thực sự bền vững, còn nhiều hạn chế, yếu kém, đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Tác động với nền kinh tế đất nước sẽ rất nghiêm trọng nếu Việt Nam không chủ động có biện pháp ứng phó và nêu nội lực của nền kinh tế yếu.

Thứ tư, Việt Nam vẫn chịu tác động của các thách thức an ninh phi truyền thống, như các loại dịch bệnh mới nổi, biến đổi khí hậu, an ninh mạng, an ninh nguồn nước, nước biển dâng... sẽ tác động ngày càng lớn tới môi trường chiến lược của Việt Nam, đặt ra các thách thức không nhỏ đối với đất nước trong việc xử lý và ứng phó trong khi nhận thức, năng lực thể chế, chính sách và nguồn lực dành cho việc đối phó với các thách thức này còn hạn chế. Thêm vào đó, xu hướng già hoá dân số nhanh; tốc độ công nghiệp hoá, đô thị hoá tăng mạnh; biến đổi khí hậu gay gắt, phức tạp... ngày càng tác động mạnh đến sự phát triển bền vững của đất nước, nhất là ảnh hưởng đến việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong quá trình phát triển kinh tế.

## **2. Quan điểm triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam trong bối cảnh mới**

Một là, mục tiêu của kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta nhằm thực hiện “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, nâng cao chất lượng, hiệu quả lực lượng sản xuất tạo ra một năng suất lao động vượt trội và không ngừng nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn. Mục tiêu này thể hiện sự khác biệt với mục đích tất cả vì lợi nhuận phục vụ lợi ích của các nhà tư bản, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa tư bản.

Hai là, thực hiện một cách nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, coi các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước phải phát huy được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, là nhân tố mở đường cho sự phát triển kinh tế, là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng XHCN và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Kinh tế tập thể gồm các hình thức hợp tác đa dạng, trong đó xây dựng HTX theo hướng tiếp cận mới gắn với thông lệ quốc tế. Nhà nước giúp HTX đào tạo cán bộ, ứng dụng khoa học và công nghệ, thông tin, mở rộng thị trường, xây dựng các quỹ hỗ trợ phát triển HTX. Kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý để kinh tế tư nhân phát triển trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài; chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động; liên doanh, liên kết với nhau, với KTTT và kinh tế nhà nước. Xây dựng quan hệ tốt giữa chủ doanh nghiệp và người lao động.

Ba là, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng cường kinh tế gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển xã hội,

văn hóa, giáo dục và đào tạo, giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Hạn chế tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường. Trong lĩnh vực phân phối, định hướng XHCN được thể hiện qua chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, phúc lợi xã hội. Đồng thời để huy động mọi nguồn lực kinh tế cho sự phát triển chúng ta còn thực hiện phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác.

Bốn là, tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường; đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước. Nhìn chung, kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam mới được bắt đầu, trình độ còn thấp, nhiều thị trường còn sơ khai, chưa đồng bộ. Vì vậy cần đẩy mạnh việc hình thành các loại thị trường. Đặc biệt quan tâm đến các thị trường quan trọng nhưng hiện chưa hoàn thiện theo thông lệ quốc tế như: thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ. Mặt khác, phải tăng cường vai trò quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước, đấu tranh có hiệu quả chống các hành vi tham nhũng, lãng phí... Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng cho các doanh nghiệp cạnh tranh và hợp tác để phát triển.

Năm là, nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện của Việt Nam, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam trong bối cảnh mới.

Sáu là, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, thực hiện công bằng xã hội, đây là một nội dung rất quan trọng của định hướng XHCN của nền kinh tế thị trường Việt Nam, bảo đảm tính ưu việt của chế độ xã hội mới. Điều đó chẳng những tạo động lực mạnh mẽ nhằm phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động mà còn thực hiện bình đẳng

trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu chính đáng và hợp pháp, điều tiết các quan hệ xã hội.

### **3. Định hướng, giải pháp phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam trong bối cảnh mới**

Một là, tiếp tục hoàn thiện thể chế, thúc đẩy phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Đối với DNNN nhiệm vụ trọng tâm là đẩy nhanh việc xử lý nợ xấu, thoái vốn, cổ phần hóa cơ cấu lại doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ và áp dụng chế độ quản trị doanh nghiệp hiện đại. Đồng thời, kiểm tra giám sát chặt chẽ không để thất thoát, lãng phí vốn, tài sản nhà nước. Nhà nước hỗ trợ, khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế hộ trang trại trong nông nghiệp. Hoàn thiện cơ chế chính sách để thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, coi kinh tế tư nhân là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế. Phát triển doanh nghiệp tư nhân Việt Nam lớn mạnh, nâng cao trình độ công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng thị trường, cải thiện thu nhập, điều kiện làm việc của người lao động, và tham gia các hoạt động xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện các trách nhiệm xã hội.

Hai là, tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung luật pháp, cơ chế, thể chế hóa chính sách. Trước hết là thể chế hóa đầy đủ quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, hấp dẫn, công khai, minh bạch, thông thoáng để thu hút đầu tư, thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là việc tạo môi trường thuận lợi cho hình thành, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo doanh nghiệp; hỗ trợ, khuyến khích sự ra đời, hoạt động của những lĩnh vực, những mô hình sản xuất kinh doanh mới, công nghệ mới, sản phẩm mới trên cơ sở những thành tựu của cuộc CMCN 4.0; hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng; cơ cấu lại nền kinh tế để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, từng bước thực hiện

chuyển đổi số cho các ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới.

Ba là, nâng cao nhận thức của bộ máy quản lý nhà nước hướng tới thay đổi tư duy, nhận thức của xã hội, của từng chủ thể trong nền kinh tế về liên kết phát triển vùng và hiệu quả liên kết. Tư duy về liên kết các địa phương trong vùng cần theo hướng cơ quan trung ương đóng vai trò trung tâm, dẫn dắt, điều phối liên kết vùng thông qua xây dựng các thiết chế cần thiết; chính quyền địa phương cần hướng tới tư duy phát triển vùng và liên kết vùng, tránh tư duy “duy trì cơ cấu sản xuất khép kín” hay “phát triển kinh tế khép kín”. Cần sớm xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, dữ liệu, trao đổi thông tin kinh tế - xã hội, mang tính cập nhật về chủ trương, chính sách, thể chế, chương trình hợp tác, hoạt động hợp tác đa phương, song phương nội vùng và liên vùng, dự báo thị trường, việc làm, theo từng cấp từ Trung ương, vùng đến địa phương.

Ba là, giải quyết hài hòa mối quan hệ Nhà nước, thị trường và xã hội trong phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam. Phát huy đầy đủ vai trò của thị trường trong phân bổ các nguồn lực sản xuất, điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa, điều tiết hoạt động của doanh nghiệp và thanh lọc doanh nghiệp yếu kém. Đồng thời, tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế của nhà nước; tập trung vào nâng cao chất lượng xây dựng và thực thi luật pháp, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; đẩy mạnh cải cách hành chính; giữ ổn định kinh tế vĩ mô, kiến tạo phát triển. Tạo điều kiện và phát huy vai trò của các tổ chức chính trị xã hội bảo vệ quyền và lợi ích của các thành viên, hội viên, phản biện, góp ý luật pháp, chính sách của nhà nước, giám sát các doanh nghiệp, các cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của nhà nước trong việc thực thi pháp luật.

Bốn là, xây dựng, hoàn thiện thể chế để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số. Đẩy nhanh xây dựng khung chính sách, pháp luật đối với xây dựng chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số. Xây dựng, hoàn thiện khung khổ pháp lý cho các mô hình

kinh doanh mới ứng dụng công nghệ cao, mô hình kinh tế chia sẻ, giao dịch, quản lý các tài sản kỹ thuật số, đầu tư mạo hiểm, các phương thức thanh toán mới, hệ thống xác thực và định danh điện tử. Sớm hoàn thành việc xây dựng và đưa vào khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quan trọng và nền tảng kết nối, chia sẻ quốc gia.

Năm là, thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn. Triển khai có hiệu quả hệ thống giáo dục quốc dân mới theo các mục tiêu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo. Đa dạng hoá phương thức đào tạo dựa theo mô hình giáo dục mở, khung trình độ quốc gia, gắn với thị trường và đáp ứng yêu cầu của cuộc CMCN 4.0. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

Sáu là, xây dựng, cụ thể hóa hệ tiêu chí xác định những đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam với các nội dung: Về cơ cấu sở hữu và thành phần kinh tế: là nền kinh tế đa sở hữu, nhiều thành phần; doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tự chủ, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng theo pháp luật. Về cơ chế vận hành: là nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Về trình độ phát triển: Có lực lượng sản xuất phát triển ngày càng hiện đại; cơ cấu hợp lý; tăng trưởng theo chiều sâu; có năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh cao; là nền kinh tế độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế

Bảy là, nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế, rà soát, điều chỉnh bổ sung hệ thống pháp luật và cơ chế liên quan đáp ứng yêu cầu thực hiện các cam kết quốc tế. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp điều hành giữa các bộ, ngành, địa phương trong thực thi các cam kết hội nhập và tiếp cận thị trường. Đổi mới công tác xúc tiến thương mại và đầu tư, cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển thị

trường, nhất là thị trường xuất khẩu. Nâng cao năng lực phòng ngừa, giải quyết tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành TW Đảng (2016). Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Nghị quyết Số 05-NQ/TW, ngày 1 tháng 11 năm 2016.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, 2023.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987). Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, NXB Sự thật, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001). Văn kiện Đảng toàn tập, t.47, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006). Văn kiện Đảng toàn tập, tập 47 (1986). Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007). Văn kiện Đảng toàn tập, tập 51 (6-12/1991). Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007). Văn kiện Đảng toàn tập, tập 53 (6-1993 - 12-1994). Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội.

11. Đảng cộng sản Việt Nam (2008). Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010). Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới, P.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015). Văn kiện Đảng toàn tập, tập 55 (1996). Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật. Hà Nội.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). Văn kiện Đảng toàn tập, tập 60 (2001). Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018). Văn kiện Đảng toàn tập, tập 65 (2006). Nxb. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2019). Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, phần I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
20. Đảng cộng sản Việt Nam (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
21. Nghị quyết Hội nghị BCH TW khóa VI
22. Nguyễn Phú Trọng (2022). Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
23. Tạp chí của Ban Tuyên Giáo: Giải pháp cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia
24. Theo trang thông tin điện tử Ban kinh tế Trung ương

25. Thủ tướng Chính phủ (2021), Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2050.

26. <https://baochinhphu.vn/>

27. <https://dangcongsan.vn/>

28. <https://data.worldbank.org>

29. [https://noichinh.vn/ /](https://noichinh.vn/)

30. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/>

31. <https://www.gso.gov.vn/>